

Bản án số: 113/2024/HS-ST
Ngày 03 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Diệu Huế và ông Nông Xuân Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 101/2024/TLST-HS ngày 25/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Đàm Văn P; tên gọi khác: không có; giới tính: nam; Sinh ngày 13/3/1993, tại xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 10/12; Con ông Đàm Minh C, sinh năm 1944 và bà Cam Thị N, sinh năm 1957; Vợ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1993 (Đã ly hôn), con: 01 con, sinh năm 2014.

Tiền án; Tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

- Bị hại:

- Nông Thị C1, sinh năm 1971; (Có mặt)
- Đàm Văn Đ, sinh năm 1984; (Vắng mặt không có lý do)
- Lục Thị K, sinh năm 2008; (Có mặt)
- Hoàng Văn Đ1, sinh năm 1990; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ma Việt H, sinh năm 1996; Địa chỉ: xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng;
- Nguyễn Trọng N1, sinh năm 1993; Địa chỉ: xóm T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

3. Hoàng Thị T, sinh năm 1990;

4. Nông Văn H1, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/7/2024, Công an xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng nhận được tin báo của Hoàng Văn Đ1, sinh năm 1990, trú tại xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng về việc anh bị mất trộm 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Redmi A9, màu xanh

duyệt mua từ khoảng năm 2022 với giá 4.000.000 đồng để gắn tủ lạnh trong nhà của mình tại xóm N, xã T, huyện T.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an xã T đã tiến hành kiểm tra, xác minh và triệu tập Đàm Văn P, sinh năm 1993, trú tại xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng để làm việc. Quá trình làm việc, P khai nhận là người thực hiện hành vi trộm cắp điện thoại của anh Hoàng Văn Đ1. Ngoài ra P còn khai nhận, trước đó còn được trộm cắp tài sản của anh Đàm Văn Đ, chị Lục Thị K và bà Nông Thị C1 cùng trú tại xóm N, xã T. Căn cứ lời khai của Đàm Văn P, Công an xã T đã tiến hành thu giữ các tài sản do P trộm cắp đem bán, gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A17K, màu xanh tím, số IMEI1: 865947067561890, số IMEI2: 865947067561882 tại cửa hàng điện thoại “T”, địa chỉ Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, màu xanh dương, số IMEI1: 86600905206924/78, số IMEI2: 86600905206932/78 tại cửa hàng điện thoại “H”, địa chỉ Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; 01 đầu máy nổ tại nhà Ma Việt H, sinh năm 1996, địa chỉ xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, tạm giữ của Đàm Văn P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5, màu xanh dương; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu đen bạc, có biển kiểm soát 11U1 - 195.72 (nhưng không gắn biển kiểm soát) và các tài liệu có liên quan. Ngày 17/7/2024, Công an xã T đã chuyển hồ sơ vụ việc cùng toàn bộ vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng giải quyết theo thẩm quyền.

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A17K, màu vàng, máy cũ đã qua sử dụng, Đàm Văn P bán cho chị Hoàng Thị T tại cửa hàng điện thoại “H” và chị T đã bán lại cho khách, không biết họ tên, địa chỉ nên không có thông tin để truy tìm, thu hồi tài sản. 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu đen bạc, có biển kiểm soát 11U1 - 195.72, giấy đăng ký xe mang tên Chu Hồng N2, sinh năm 2003, trú tại xóm N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng, đây là xe mô tô P mượn của N2 để làm phương tiện đi lại.

Tại Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐGTS ngày 19/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, kết luận: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A17K, màu xanh tím, giá trị 2.088.000 đồng, 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A17K, màu vàng, giá trị 1.363.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 9A, màu xanh dương, giá trị 400.000 đồng, 01 đầu máy nổ công suất 7.5HP, khối lượng 14kg (tình trạng máy đã bị hạn chế không còn hoạt động), giá trị 98.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản là 3.949.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, Đàm Văn P đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, cụ thể:

Lần thứ nhất: Sáng ngày 07/7/2024, P đến nhà anh Đàm Văn Đ, sinh năm 1984, trú tại xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng chơi được khoảng 30 phút thì đi về. Khi đi về P thấy 01 đầu máy nổ (công suất 7.5HP, khối lượng 14kg) để trong kho chứa đồ của nhà anh Đ nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. P quan sát xung quanh không có ai nên đã lấy trộm chiếc đầu nổ mang về nhà. Sau đó, P nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho Ma Việt H (trú cùng xóm) nói nhà P có hai cái đầu nổ, muốn bán một cái thì H đồng ý mua. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, P sử dụng xe mô tô chở chiếc đầu máy nổ mang đi bán cho H được 300.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 08/7/2024, P đi đến khu vực gần mỏ nước gần nhà chị Lục Thị K, sinh năm 2008 (trú cùng xóm) thì thấy nhà mở cửa nên P đi vào bên trong nhà và chỉ thấy em trai của chị K ở nhà một mình. P quan sát bên trong nhà thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A17K, màu xanh tím đang cắm sạc để trên bàn gần khu vực bếp nên nảy sinh ý định trộm cắp. P thấy em trai chị K mãi chơi điện thoại nên đã trộm lấy chiếc điện thoại trên rồi đi về nhà. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, P điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng điện thoại “T”, địa chỉ Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng bán chiếc điện thoại trên cho anh Nguyễn Trọng N1, sinh năm 1993, trú tại xóm T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng (chủ cửa hàng) được số tiền 450.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 15 giờ ngày 08/7/2024, P đi đến khu vực gần nhà bà Nông Thị C1, sinh năm 1971 (trú cùng xóm) để tìm đuổi con L lên sau nhà rồi quay về. Trên đường về, P thấy nhà bà C1 mở cửa nên đã đi vào nhà bà C1 gọi hỏi thì không thấy ai trả lời. P đến khu vực bồn uống nước trước bàn thờ thấy 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A17K, màu vàng đồng đang cắm sạc để cạnh cột nhà gần khu vực bàn thờ, quan sát xung quanh không có ai, P lấy trộm điện thoại rồi đi về nhà. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, P điều khiển xe mô tô đến cửa điện thoại “H”, địa chỉ tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng bán chiếc điện thoại trên cho Hoàng Thị T, sinh năm 1990 (vợ của Nông Văn H1 chủ cửa hàng Đ2) được 1.100.000 đồng.

Lần thứ tư: Khoảng 08 giờ ngày 10/7/2024, P điều khiển xe mô tô đến nhà anh Hoàng Văn Đ1 ở cùng xóm N chơi, P đi vào trong nhà gọi Đ1 nhưng không có ai trả lời. Biết không ai ở nhà, P quan sát xung quanh thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, màu xanh dương đặt ở trên ghế cạnh tủ lạnh. P lấy trộm điện thoại rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô đến cửa điện thoại “H” bán chiếc điện thoại trên cho Nông Văn H1, sinh năm 1989 (chủ cửa hàng điện thoại H) được 400.000 đồng.

Tổng số tiền Phong bán tài sản trộm cắp có được là 2.250.000 đồng. P sử dụng vào mục đích cá nhân và mua ma túy sử dụng cho bản thân hết.

Lời khai nhận của Đàm Văn P tại Cơ quan điều tra phù hợp lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng vụ án, xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, ngày 07/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện T đã trả lại: 01 đầu máy nổ cho anh Đàm Văn Đ; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A17K, màu xanh tím cho chị Lục Thị K; 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 9A, màu xanh dương cho anh Hoàng Văn Đ1; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu đen bạc và 01 biên kiểm soát 11U1 - 195.72 cho chị Chu Hồng N2 là các chủ sở hữu tài sản để quản lý, sử dụng. Đối với các vật chứng khác, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã ban hành quyết định chuyển vật chứng của vụ án từ Cơ quan CSĐT Công an huyện T sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh để đảm bảo việc xét xử, thi hành án theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Đàm Văn Đ, Lục Thị K, Hoàng Văn Đ1 đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu gì thêm; bị hại Nông Thị C1 yêu cầu được nhận lại tài sản bị mất trộm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ma Việt H, Nông Văn H1 và Nguyễn Trọng N1 không yêu cầu nhận lại số tiền đã mua tài sản với Đàm Văn P.

Tại bản Cáo trạng số: 103/CT-VKSTK ngày 25/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Đàm Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo xác nhận: Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của mình. Do bị cáo nghiện và lệ thuộc vào ma túy, không có việc làm để có tiền tiêu sài cá nhân bị cáo đã lợi dụng sơ hở của các bị hại để trộm cắp những tài sản như đã nêu. Nay biết hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Đàm Văn Đ, Lục Thị K, Hoàng Văn Đ1 đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu gì thêm; bị hại Nông Thị C1 yêu cầu được nhận lại tài sản bị mất trộm bằng giá trị chiếc điện thoại theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá là 1.363.000 đồng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ma Việt H, Nông Văn H1 và Nguyễn Trọng N1 không yêu cầu nhận lại số tiền đã mua tài sản với Đàm Văn P.

Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đàm Văn P phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đàm Văn P từ 12 đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Nông Thị Căn số tiền 1.363.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi 5, màu xanh dương, số IMEI1: 864252043426438, số IMEI2: 864252043426420, điện thoại đã qua sử dụng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sung công quỹ nhà nước.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các tài liệu khác có trong hồ sơ nên có cơ sở để kết luận: Lợi dụng sơ hở của những hộ dân ở xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng khi đi làm thường xuyên không đóng cửa, không có người trông coi Đàm Văn P đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Từ ngày 07/7/2024 đến ngày 10/7/2024, P đã thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản của 04 hộ dân tại xóm N, xã T với tổng giá trị 3.949.000 đồng. Trong đó, có 01 lần P trộm cắp tài sản có giá trị 2.088.000 đồng.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có hiểu biết pháp luật. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý. Giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là Người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có bố đẻ là thương binh nặng tỷ lệ thương tật 91%. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét khi lượng hình.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, tuy nhiên bị cáo là người sử dụng ma túy và phụ thuộc vào ma túy là chất Nhà nước nghiêm cấm dưới mọi hình thức, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác để thỏa mãn cơn nghiện. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Như vậy, mức hình phạt mà Kiểm sát viên đưa ra là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về vật chứng:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi 5, màu xanh dương, số IMEI1: 864252043426438, số IMEI2: 864252043426420, điện thoại đã qua sử dụng tạm giữ đối với bị cáo Đàm Văn P. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được bị cáo đã sử dụng để liên lạc với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để bán tài sản mà bị cáo trộm cắp được. Do đó, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước chiếc điện thoại này.

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu đen bạc và 01 biển kiểm soát 11U1 - 195.72 do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T đã trả cho chị Chu Hồng N2 là đúng quy định của pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận ngày 07/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện T đã trả lại: 01 đầu máy nổ cho anh Đàm Văn Đ; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A17K, màu xanh tím cho chị Lục Thị K; 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 9A, màu xanh dương cho anh Hoàng Văn Đ1 là các chủ sở hữu tài sản để quản lý, sử dụng là đúng quy định của pháp luật.

Các bị hại Đàm Văn Đ, Lục Thị K, Hoàng Văn Đ1 đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu gì thêm; bị hại Nông Thị C1 yêu cầu được nhận lại tài sản bị mất trộm bằng giá trị chiếc điện thoại theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá là 1.363.000 đồng.

Xét thấy, yêu cầu của bà Nông Thị C1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do vậy, buộc bị cáo Đàm Văn P bồi thường cho bị hại Nông Thị C1 số tiền 1.363.000 đồng.

Các bị hại Đàm Văn Đ, Lục Thị K, Hoàng Văn Đ1. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ma Việt H, Nông Văn H1 và Nguyễn Trọng N1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, bản thân nghiện ma túy, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Đối với Ma Việt H, Nguyễn Trọng N1, Nông Văn H1 và Hoàng Thị T khi mua tài sản với bị cáo Đàm Văn P không biết là tài sản trộm cắp mà có. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T không đề nghị xử lý đối với những người này là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đàm Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đàm Văn P 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30/6/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Bị cáo Đàm Văn P phải bồi thường cho bị hại Nông Thị Căn số tiền 1.363.000 đồng.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi 5, màu xanh dương, số IMEI1: 864252043426438, số IMEI2: 864252043426420, điện thoại đã qua sử dụng tạm giữ đối với bị cáo Đàm Văn P.

Xác nhận vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/10/2024.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đàm Văn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sung công quỹ nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại Nông Thị C1, Lục Thị K, Hoàng Văn Đ1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án

Bị hại Đàm Văn Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tri Phương (bằng TB);
- Bị cáo;
- Bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Hoài

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Xuân Kiên

Nông Diệu Huế

Lý Thị Hoài